

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày 24/5/2022

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Gái;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Chiến và bà Nguyễn Thị Hiền;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Hải – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2022/TLST- HNGĐ ngày 24/01/2022 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: 1985;

Nơi ĐKNKTT: Tổ 5, khu C 3, phường C1, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Ngô Văn T1, sinh năm: 1982;

Nơi ĐKNKTT: Tổ 5, khu C 3, phường C1, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; vắng mặt;

Người làm chứng: Ông Ngô Quý P, sinh năm 1955;

Nơi ĐKHKTT: Tổ 5, khu C 3, phường C1, thành phố Cẩm Phả, Quảng Ninh; có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 13/01/2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T đều trình bày:

Tôi với anh Ngô Văn T1 kết hôn hợp pháp tại vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đắc R’Lấp, tỉnh Đắc Nông trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn chúng tôi có thời gian tìm hiểu nhau 1 năm. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi về sống chung cùng bố mẹ anh T1 tại tổ 5, khu C 3, phường C1, thành phố Cẩm Phả; Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì mâu thuẫn căng thẳng, nguyên nhân chủ yếu là

quá trình chung sống vợ chồng tôi không hợp nhau về tính cách và quan điểm sống, anh T1 không giúp tôi chăm lo dạy dỗ con cái, không phụ giúp tôi về kinh tế để nuôi con học hành, anh còn thường xuyên đi sớm về muộn nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và xúc phạm nhau, từ tháng 12/2019 đến nay anh T1 thường xuyên vắng nhà nên chúng tôi ngày càng xa lánh nhau, chúng tôi không có sự quan tâm chia sẻ, tôi đã góp ý cùng anh T1 để tìm biện pháp khắc phục, chúng tôi cũng đã được gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn, đến nay mâu thuẫn vợ chồng tôi không thể hàn gắn được nữa nên tôi xin được ly hôn để ổn định cuộc sống;

Về con chung: Tôi và anh Ngô Văn T1 có hai con chung là Ngô Gia T2, sinh ngày 03/02/2010 và Ngô Dạ Thảo, sinh ngày 01/11/2013; Khi ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con. Tôi hiện nay đang làm việc tại Công ty xây dựng Công nghiệp mỏ, tôi có thu nhập ổn định đảm bảo nuôi dạy con chung tốt.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn anh Ngô Văn T1: Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T đối với anh Ngô Văn T1 nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do.

Người làm chứng ông Ngô Quý P là bố đẻ anh Ngô Văn T1, người sống cùng một nhà với vợ chồng chị T, anh T1 trình bày về tình trạng hôn nhân của chị T và anh T1 như chị T đã trình bày;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng để giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chị Trần Thị T thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định; bị đơn anh Ngô Văn T1 không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị T; Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; tuyên xử chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Ngô Văn T1; Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Ngô Gia T2, sinh ngày 03/02/2010 và Ngô Dạ Thảo, sinh ngày 01/11/2013 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi); anh Ngô Văn T1 không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung: Chị Trần Thị T xác định không có tài sản chung nên không yêu Tòa án giải quyết, về nợ chung: không có;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Ngô Văn T1 hiện cư trú tại địa bàn thành phố Cẩm Phả nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh Ngô Văn T1 tuy đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên không có lý do; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Ngô Văn T1 là hôn nhân hợp pháp, chị Trần Thị T và anh Ngô Văn T1 kết hôn hợp pháp tại vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Nhân Cơ, huyện Đăk R’Lấp, tỉnh Đăk Nông trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn hai anh chị có thời gian tìm hiểu nhau 1 năm. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung cùng bố mẹ anh T1 tại tổ 5, khu C 3, phường C1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Vợ chồng chung sống đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, nguyên nhân là do vợ chồng anh chị không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống nên xảy ra mâu thuẫn xúc phạm nhau, từ tháng 12/2019 anh T1 ít quan tâm đến gia đình, thường xuyên vắng nhà nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nay chị T khởi kiện xin ly hôn; về phía anh T1 Tòa án đã triệu tập nhiều lần để giải quyết vụ án song anh T1 đều không có mặt để trình bày quan điểm và để bảo vệ cho quyền lợi của mình; xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ bởi mâu thuẫn vợ chồng chị đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt nên căn cứ theo quy định tại các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh T1 để chị ổn định cuộc sống;

Về con chung: Chị T và anh T1 có hai con chung là Ngô Gia T2, sinh ngày 03/02/2010 và Ngô Dạ Thảo, sinh ngày 01/11/2013; Khi ly hôn chị T yêu cầu xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con, chị cam kết đảm bảo nuôi dạy con chung tốt; quá trình giải quyết vụ án các con chung của anh chị đều trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Xét thấy yêu cầu nuôi con của chị T là có cơ sở và phù hợp với nguyện vọng của các con chung nên chấp nhận; về cấp dưỡng cho con do chị T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết;

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án đề cập giải quyết; anh Ngô Văn T1 không có mặt nên không rõ quan điểm của anh T1 về phần tài sản chung, nợ chung nên không đề cập.

[2] Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[3] Quyền kháng cáo: chị Trần Thị T và anh Ngô Văn T1 có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Trần Thị T đối với anh Ngô Văn T1. Chị Trần Thị T được ly hôn với anh Ngô Văn T1.

Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Ngô Gia T2, sinh ngày 03/02/2010 và Ngô Dạ Thảo, sinh ngày 01/11/2013 cho đến khi các con chung thành niên (đủ 18 tuổi); anh Ngô văn T1 không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị T xác định không có tài sản chung nên không yêu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có.

Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005072 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi thành án dân sự thành phố Cẩm Phả. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tp Cẩm Phả;
- Chi cục THADS tp Cẩm Phả;
- UBND xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA
- Lưu VP.

Trương Thị Gái